TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **103**/2025/DS-ST
Ngày 20 – 9 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thái.

2. Ông Bùi Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Hoàng N**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp X, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh **Dương Phúc N1**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 08-7-2025, vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà **Sơn Thị Mỹ H**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

2. Ông **Lâm Hùng C**. Địa chỉ: Ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Hoàng N, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Dương Phúc N1 trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 18-9-2024, ông Trần Hoàng N có bán vật tư nông nghiệp cho bà Sơn Thị Mỹ H và ông Lâm Hùng C. Việc mua bán giữa hai bên không có lập hợp đồng mà chỉ có sổ theo dõi mua bán hàng, có thỏa thuận thống nhất với nhau về mức lãi suất chậm trả tính theo quy định của pháp luật. Đến ngày 12-3-2025, sau khi chốt sổ nợ thì bà H, ông C đã thừa nhận còn nợ lại ông N số tiền là 54.961.000 đồng và hứa là sẽ tranh thủ sớm trả đủ số tiền còn nợ cho ông N. Đến ngày 10-

01-2025, bà H và ông C có hỏi vay ông N số tiền 3.000.000 đồng. Đến ngày 16-01-2025 thì bà H và ông C hỏi vay thêm số tiền 1.000.000 đồng. Đến ngày 19-02-2025 thì bà H và ông C hỏi vay thêm số tiền 1.000.000 đồng. Hai bên tự thỏa thuận lãi suất 4%/tháng. Mục đích bà H và ông C vay tiền là để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Thời hạn vay là đến ngày 01-4-2025 sẽ trả đủ. Bà H là người trực tiếp nhận tiền vay. Tuy nhiên, sau đó bà H và ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông N và số nợ còn thiếu là 59.961.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Sơn Thị Mỹ H và ông Lâm Hùng C có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Hoàng N số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 54.961.000 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính kể từ ngày 12/3/2025 đến ngày 02/7/2025 (03 tháng 20 ngày x 0,83%/tháng x 54.961.000 đồng) là 1.672.646 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 56.633.646 đồng.

- Buộc bà Sơn Thị Mỹ H và ông Lâm Hùng C có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Hoàng N số tiền vay còn nợ là 5.000.000 đồng mà bà H, ông C vay của ông N vào ngày 10/01/2025, 16/01/2025 và ngày 19/02/2025; và tiền lãi chậm trả tạm tính kể từ ngày 19/02/2025 đến ngày 02/7/2025 (04 tháng 13 ngày x 0,83%/tháng x 5.000.000 đồng) là 367.967 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 5.367.967 đồng.

- Tiền lãi đối với 02 khoản tiền nêu trên do nguyên đơn tạm tính đến thời điểm khởi kiện; đồng thời, yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ý kiến của bị đơn bà Sơn Thị Mỹ H: Bà thừa nhận có nợ tiền của ông N như đơn khởi kiện ông N trình bày. Tính tới ngày hòa giải cơ sở thì bà chốt nợ với ông N gốc và lãi là 60.441.000 đồng, thống nhất trả mỗi tháng 15.000.000 đồng nhưng do bà khó khăn nên chưa trả được, bà dự định đến 17-9-2025 sẽ trả đủ nhưng ông N đã khởi kiện. Nay bà cũng đồng ý trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu của ông N đến thời điểm khởi kiện là 62.001.613 đồng, trả 01 lần vào ngày 17-9-2025.

Ý kiến của bị đơn ông Lâm Hùng C: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lâm Hùng C. Tuy nhiên, ông Lâm Hùng C không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào. Ngày 08-8-2025, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải và các đương sự có mặt đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông Lâm Hùng C vắng mặt, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ biên bản hòa giải thành biết để có ý kiến về nội dung thỏa thuận nhưng ông Lâm Hùng C cũng không có ý kiến trả lời bằng văn bản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn đang cư trú tại xã P, thành phố Cần Thơ, thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay và mua bán còn nợ. Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ có thẩm quyền thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay*

và mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn thống nhất được với nhau về việc giữa hai bên có xác lập hợp đồng mua bán, hợp đồng vay tài sản và đã chốt được số nợ với nhau. Theo đó, bà Sơn Thị Mỹ H còn nợ ông Trần Hoàng N số tiền mua bán là 54.961.000 đồng thống nhất tính lãi chậm trả từ ngày 12-3-2025; số tiền vay 5.000.000 đồng thống nhất tính lãi chậm trả từ 19-02-2025. Đây là thừa nhận của hai bên trực tiếp tham gia giao dịch, được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Nay bị đơn bà Sơn Thị Mỹ H cũng đồng ý trả toàn bộ nợ gốc và lãi nêu trên cho nguyên đơn ông Trần Hoàng N, phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 440, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tiền lãi chậm trả đối với khoản nợ mua bán là 54.961.000 đồng x 0,83%/tháng x 06 tháng 08 ngày = 2.858.705 đồng; đối với khoản nợ vay là 5.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 07 tháng 01 ngày = 291.883 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 63.111.588 đồng.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Lâm Hùng C có trách nhiệm liên đới cùng bà Sơn Thị Mỹ H trả số tiền nợ: Mặc dù ông C không ký tên vào đối chiếu công nợ, nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng. Bị đơn ông Lâm Hùng C và bà Sơn Thị Mỹ H cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh các khoản nợ này là nợ riêng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng liên đới trả số tiền nợ nêu trên là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về án phí sơ thẩm: Các bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 440, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi,

lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc các bị đơn bà Sơn Thị Mỹ H, ông Lâm Hùng C có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Trần Hoàng N số tiền 63.111.588 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Trần Hoàng N không phải chịu. Trả lại cho ông Trần Hoàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.550.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000705 ngày 17-7-2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Các bị đơn bà Sơn Thị Mỹ H, ông Lâm Hùng C có trách nghiệm liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.155.579 đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm